

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

NGUYỄN THỊ DUNG

**PHẠT TIỀN VỚI TƯ CÁCH HÌNH PHẠT BỔ SUNG
TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

Chuyên ngành : Luật hình sự và tổ tụng hình sự

Mã số : 60 38 01 04

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2014

**Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học: TS. Trịnh Tiến Việt

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2014.

**Có thể tìm hiểu luận văn
tại Trung tâm thông tin - Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm tư liệu - Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội**

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang		
<i>Trang phụ bìa</i>			
<i>Lời cam đoan</i>			
<i>Mục lục</i>			
<i>Danh mục các bảng</i>			
<i>Danh mục các biểu đồ</i>			
MỞ ĐẦU	1		
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHẠT TIỀN VỚI TƯ CÁCH HÌNH PHẠT BỔ SUNG TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM	9		
1.1. Khái niệm, mục đích và vai trò của hình phạt bổ sung trong luật hình sự Việt Nam	9	2.2. Phân biệt phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung với một số chế tài pháp lý khác	52
1.1.1. Khái niệm hình phạt bổ sung	9	2.2.1. Phân biệt phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung và phạt tiền với tư cách hình phạt chính	52
1.1.2. Mục đích và vai trò của hình phạt bổ sung	14	2.2.2. Phân biệt phạt tiền và tịch thu tài sản với tư cách hình phạt bổ sung	53
1.2. Khái niệm, mục đích và vai trò của phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung trong luật hình sự Việt Nam	17	2.2.3. Phân biệt phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung và phạt tiền với tư cách là biện pháp xử lý hành chính	54
1.2.1. Khái niệm phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung	17	2.3. Phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung trong Bộ luật hình sự một số nước trên thế giới	55
1.2.2. Mục đích và vai trò của phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung	20	2.3.1. Bộ luật hình sự Liên bang Nga	55
1.3. Sự hình thành và phát triển của luật hình sự Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1999 về phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung	22	2.3.2. Bộ luật hình sự Cộng hòa nhân dân Trung Hoa	57
1.3.1. Giai đoạn từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến trước pháp điển hóa lần thứ nhất - Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985	22	2.3.3. Bộ luật hình sự Vương quốc Thụy Điển	58
1.3.2. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985 đến trước pháp điển hóa lần thứ hai - Bộ luật hình sự năm 1999	26	2.3.4. Bộ luật hình sự Nhật Bản	60
Chương 2: PHẠT TIỀN VỚI TƯ CÁCH HÌNH PHẠT BỔ SUNG TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI	30	Chương 3: THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHẠT TIỀN VỚI TƯ CÁCH HÌNH PHẠT BỔ SUNG VÀ NHỮNG KIẾN NGHỊ	62
2.1. Phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung trong Bộ luật hình sự Việt Nam	30	3.1. Thực tiễn áp dụng phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung	62
2.1.1. Quy định trong Phần chung Bộ luật hình sự	30	3.1.1. Tình hình áp dụng	62
2.1.2. Quy định trong Phần các tội phạm Bộ luật hình sự	43	3.1.2. Những nhận xét, đánh giá	75
		3.2. Một số tồn tại, hạn chế trong lập pháp và thực tiễn áp dụng phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung và các nguyên nhân cơ bản	76
		3.2.1. Một số tồn tại, hạn chế trong lập pháp và thực tiễn áp dụng phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung	76
		3.2.2. Các nguyên nhân cơ bản	83
		3.3. Những kiến nghị	86
		3.3.1. Hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự	87
		3.3.2. Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cán bộ xét xử trong việc áp dụng phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung	90
		3.3.3. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật	92
		3.3.4. Tăng cường công tác tổng kết thực tiễn áp dụng phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung	93
		KẾT LUẬN	95
		DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	97

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hình phạt bổ sung là một trong những chế định cơ bản của luật hình sự Việt Nam. Việc nghiên cứu những vấn đề lý luận về hình phạt bổ sung có ý nghĩa quan trọng trên các mặt lập pháp, khoa học và thực tiễn. Hình phạt bổ sung không chỉ thể hiện tính cưỡng chế, trừng trị mà các hình phạt này chủ yếu là những biện pháp giáo dục, thuyết phục. Trong các hình phạt bổ sung thì không thể không nhắc đến phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung. Phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung tuy chỉ được áp dụng kèm theo các hình phạt chính (không phải phạt tiền), nhưng có tác động tích cực trong công tác đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm. Kết hợp đúng đắn việc áp dụng hình phạt chính với phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung đối với người phạm tội là một trong những điều kiện quan trọng để đạt được mục đích của hình phạt.

Lịch sử lập pháp hình sự của Việt Nam từ năm 1945 đến nay cho thấy phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung được quy định phong phú và đa dạng, có sự kế thừa và bổ sung hoàn thiện qua từng thời kỳ. Những quy định về phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung trong Bộ luật hình sự 1999 đã tạo điều kiện cho các cơ quan áp dụng pháp luật đấu tranh phòng, chống tội phạm có hiệu quả. Tuy nhiên, một số quy phạm phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung của Bộ luật hình sự hiện hành, ở các mức độ khác nhau, vẫn bộc lộ những hạn chế, thiếu sót nhất định.

Trước tình hình đó, việc nghiên cứu một cách có hệ thống những vấn đề lý luận và thực tiễn về phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung, trên cơ sở đó đưa ra những giải pháp để tiếp tục hoàn thiện Bộ luật hình sự hiện hành và giải quyết những vướng mắc của thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự là việc làm cần thiết, không những có ý nghĩa quan trọng về mặt lý luận, mà còn có ý nghĩa cả về thực tiễn trong giai đoạn hiện nay ở nước ta.

Tất cả những điều trên đây là lý do để tôi lựa chọn vấn đề "***Phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung trong luật hình sự Việt Nam***" làm đề tài nghiên cứu khoa học cho luận văn thạc sĩ của mình.

2. Tình hình nghiên cứu

Do hình phạt có vị trí, vai trò quan trọng trong luật hình sự, nên ở trong và ngoài nước đã có nhiều công trình nghiên cứu khoa học ở những mức độ khác nhau, những khía cạnh, phương diện khác nhau về hình phạt và hệ thống hình phạt, trong đó có phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung. Tuy nhiên, qua nghiên cứu các công trình cho thấy, phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung chỉ là một phần trong nội dung nghiên cứu của các tác giả nên chưa phân tích sâu cả về lý luận cũng như thực tiễn áp dụng. Ngoài ra, có những công trình chỉ tập trung vào phần lý luận nên các tác giả chưa đưa ra các giải pháp có tính hệ thống, toàn diện nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng. Như vậy, dưới góc độ một luận văn thạc sĩ luật học, cho đến nay chưa có công trình nào đề cập riêng rẽ đến phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung theo luật hình sự Việt Nam, cũng như nghiên cứu thực tiễn xét xử trong cả nước. Cho nên, việc tác giả lựa chọn đề tài "***Phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung trong luật hình sự Việt Nam***" để thực hiện rõ ràng có tính thời sự và cấp thiết.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn đúng như tên gọi của nó - *Phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung trong luật hình sự Việt Nam*.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung trong luật hình sự Việt Nam dưới góc độ pháp lý hình sự, khái quát lịch sử hình thành và phát triển về hình phạt này từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay. Ngoài ra luận văn còn phân tích thực tiễn xét xử trên phạm vi cả nước trong 05 năm (2009 - 2013), đồng thời có so sánh với pháp luật hình sự một số nước trên thế giới, qua đó nhằm giải quyết nhiệm vụ và đối tượng nghiên cứu.

4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

4.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của luận văn là làm sáng tỏ một cách có hệ thống về mặt lý luận những nội dung cơ bản về phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung

trong luật hình sự Việt Nam và thực tiễn xét xử trong cả nước, từ đó rút ra những tồn tại, bất cập để đề xuất việc hoàn thiện các quy định về tội phạm này trong Bộ luật hình sự, góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung nói riêng ở nước ta hiện nay.

4.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

* *Về lý luận*: Trên cơ sở nghiên cứu chính sách hình sự của Nhà nước về phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung, phân tích khái niệm, những đặc điểm, nội dung và điều kiện áp dụng, lịch sử hình thành và phát triển của hình phạt này trong luật hình sự Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay, cũng như so sánh với pháp luật hình sự một số nước trên thế giới, qua đó làm sáng tỏ bản chất pháp lý và những nội dung cơ bản của phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung.

* *Về thực tiễn*: Nghiên cứu, đánh giá việc áp dụng phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung trong thực tiễn xét xử trên cả nước qua 05 năm (2009-2013), đồng thời phân tích những tồn tại xung quanh việc áp dụng pháp luật và trong lập pháp hình sự, từ đó đề xuất những kiến nghị hoàn thiện Bộ luật hình sự Việt Nam về hình phạt này.

5. Cơ sở phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu

5.1. Cơ sở phương pháp luận

Cơ sở lý luận của luận văn là quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về đấu tranh phòng và chống tội phạm, cũng như thành tựu của các chuyên ngành khoa học pháp lý như: lịch sử pháp luật, lý luận về Nhà nước và pháp luật, luật hình sự, tội phạm học, luật tố tụng hình sự và triết học, cũng như những luận điểm khoa học trong các công trình nghiên cứu, sách chuyên khảo và các bài viết đăng trên tạp chí của một số nhà khoa học luật hình sự Việt Nam và nước ngoài.

5.2. Các phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu của khoa học luật hình sự như: lịch sử, so sánh, phân tích, tổng hợp, phương pháp xã hội

học như thống kê, định lượng, định tính... để phân tích, tổng hợp các tri thức khoa học luật hình sự và luận chứng các vấn đề tương ứng được nghiên cứu trong luận văn.

6. Những đóng góp mới của luận văn

6.1. Về mặt lý luận

Luận văn nghiên cứu, giải quyết một cách tương đối có hệ thống và đầy đủ về những vấn đề lý luận và thực tiễn của phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung trong luật hình sự Việt Nam và đánh giá thực tiễn xét xử trong thời gian 05 năm (2009 - 2013) trên phạm vi cả nước, đồng thời so sánh với pháp luật hình sự một số nước trên thế giới, từ đó đưa ra những kiến nghị hoàn thiện phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung trong Bộ luật hình sự Việt Nam.

Do đó, luận văn có ý nghĩa làm tài liệu tham khảo lý luận cần thiết cho các nhà khoa học - luật gia, cán bộ thực tiễn và các sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh chuyên ngành Tư pháp hình sự, cũng như góp phần phục vụ công tác lập pháp và hoạt động thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự trong việc đấu tranh phòng, chống tội phạm, cũng như công tác giáo dục, cải tạo người phạm tội ở nước ta hiện nay.

6.2. Về mặt thực tiễn

Thông qua việc phân tích những vấn đề lý luận và thực tiễn về phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung, luận văn đưa ra những kiến nghị hoàn thiện quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về hình phạt ở khía cạnh lập pháp, qua đó bảo đảm việc áp dụng thống nhất trong thực tiễn xét xử, từ đó nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và việc áp dụng phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung nói riêng ở nước ta hiện nay.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề chung về phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung trong luật hình sự Việt Nam.

Chương 2: Phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung trong Bộ luật hình sự Việt Nam và một số nước trên thế giới.

Chương 3: Thực tiễn áp dụng phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung và những kiến nghị.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHẠT TIỀN VỚI TƯ CÁCH HÌNH PHẠT BỔ SUNG TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1. Khái niệm, mục đích và vai trò của hình phạt bổ sung trong luật hình sự Việt Nam

1.1.1. Khái niệm hình phạt bổ sung

Điều 26 Bộ luật hình sự quy định về hình phạt như sau: "*Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người phạm tội. Hình phạt được quy định trong Bộ luật hình sự và do Tòa án quyết định*".

Từ khái niệm hình phạt, chúng ta có thể đưa ra khái niệm về hình phạt bổ sung dựa trên những điểm chung giống hình phạt và những điểm riêng khác của hình phạt bổ sung như sau: *Hình phạt bổ sung là biện pháp cưỡng chế Nhà nước nghiêm khắc được quy định trong Bộ luật hình sự, do Tòa án nhân danh Nhà nước tuyên kèm theo hình phạt chính trong bản án kết tội đã có hiệu lực pháp luật với mục đích tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người bị kết án.*

1.1.2. Mục đích và vai trò của hình phạt bổ sung

** Mục đích của hình phạt bổ sung*

Hình phạt bổ sung cũng có những mục đích giống như mục đích của hình phạt đó là trừng trị, giáo dục và phòng ngừa tội phạm. Ngoài ra, hình phạt bổ sung còn có mục đích giúp hình phạt chính đạt hiệu quả cao nhất:

Thứ nhất, hình phạt bổ sung làm cho hệ thống hình phạt cân đối hơn, tương xứng hơn, hoàn thiện hơn góp phần thực hiện nguyên tắc xử lý hình sự và nguyên tắc cá thể hóa trách nhiệm hình sự và hình phạt.

Thứ hai, hình phạt bổ sung không có mục đích trừng trị cao như hình phạt chính và không được áp dụng một cách độc lập mà áp dụng cùng với hình phạt chính để hỗ trợ cho hình phạt chính.

Thứ ba, hình phạt bổ sung trong hệ thống hình phạt làm phong phú các biện pháp hình sự.

Thứ tư, khi áp dụng thì Tòa án nghiêng về mục đích phòng ngừa riêng nhiều hơn, nhưng không có nghĩa là việc áp dụng hình phạt bổ sung vượt ra ngoài các mục đích chung của hình phạt.

Thứ năm, hình phạt bổ sung vừa có tác dụng tiếp tục cải tạo, giáo dục người phạm tội sau khi họ đã chấp hành xong hình phạt chính vừa phát huy tính tích cực trong việc loại trừ môi trường, điều kiện phạm tội lại của người bị kết án.

** Vai trò của hình phạt bổ sung*

Hình phạt bổ sung giữ vai trò củng cố, hỗ trợ hình phạt chính, nhưng không thể thay thế hình phạt chính. Do vậy, hình phạt bổ sung có những vai trò sau:

Thứ nhất, hình phạt bổ sung có tác dụng hỗ trợ, bổ sung cho hình phạt chính để làm tăng thêm hiệu quả của hình phạt.

Thứ hai, sự hiện diện của hình phạt bổ sung trong hệ thống hình phạt góp phần đa dạng hóa các biện pháp xử lý hình sự.

Thứ ba, sự thống nhất của các hình phạt chính và hình phạt bổ sung trong cùng một hệ thống hình phạt có vai trò rất quan trọng trong việc áp dụng pháp luật hình sự nói riêng và thực hiện chính sách hình sự nói chung.

1.2. Khái niệm, mục đích và vai trò của phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung trong luật hình sự Việt Nam

1.2.1. Khái niệm phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung

Dưới góc độ khoa học luật hình sự, hình phạt tiền được hiểu như sau: *Phạt tiền là hình phạt tước của người bị kết án một khoản tiền nhất định sung công quỹ Nhà nước.*

Từ khái niệm về hình phạt tiền và hình phạt bổ sung chúng tôi đưa ra định nghĩa đang nghiên cứu như sau: *Phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung là hình phạt bổ sung quy định trong Bộ luật hình sự Việt Nam được tuyên kèm theo hình phạt chính đối với người phạm các tội về tham nhũng, ma túy hoặc những tội phạm khác do bộ luật hình sự quy định, tước đi của người bị kết án một khoản tiền nhất định sung công quỹ Nhà nước.* Đây là khái niệm ngắn gọn phản ánh tương đối đầy đủ các dấu hiệu đặc trưng cũng như nội dung pháp lý của phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung.

1.2.2. Mục đích và vai trò của phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung

** Mục đích của phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung*

Thứ nhất, mục đích trừng trị tương đối nghiêm khắc có khả năng tác động một cách trực tiếp và có hiệu quả về mặt kinh tế đối với người phạm tội.

Thứ hai, phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung có vai trò hỗ trợ, tăng cường hiệu quả của hình phạt chính trong việc giáo dục cải tạo người phạm tội và loại trừ điều kiện phạm tội mới.

Thứ ba, việc quy định và áp dụng phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung còn có mục đích phòng ngừa chung.

Ngoài ra, phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung còn tạo ra nguồn thu cho ngân sách Nhà nước.

** Vai trò của phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung*

Thứ nhất, phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung làm phong phú, cân đối hệ thống hình phạt.

Thứ hai, phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung góp phần thực hiện nguyên tắc phân hóa và cá thể hóa hình phạt.

Thứ ba, việc áp dụng phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung giúp cho Tòa án có nhiều lựa chọn hơn trong khi quyết định hình phạt.

1.3. Sự hình thành và phát triển của luật hình sự Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1999 về phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung

1.3.1 Giai đoạn từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến trước pháp điển hóa lần thứ nhất - Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985

** Phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến năm 1975*

Cách mạng tháng 8 năm 1945 thành công, Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản pháp luật chủ yếu là sắc lệnh và pháp lệnh để điều chỉnh về phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung. Trong đó đặc biệt là pháp lệnh 149 ngày 21 tháng 10 năm 1970 trừng trị các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa; pháp lệnh 150 ngày 21 tháng 10 năm 1970 trừng trị các tội xâm phạm tài sản riêng của công dân. Từ những sắc lệnh, pháp lệnh trong thời kỳ này thì chúng ta có thể tổng kết về hình phạt tiền như sau:

Hình phạt tiền vừa có thể là hình phạt chính hoặc là hình phạt phụ theo quy định của pháp luật đối với từng tội phạm cụ thể. Hình phạt tiền được áp dụng chủ yếu đối với các tội phạm có tính chất vụ lợi trong trường hợp phạm tội không thật nguy hiểm (ít nghiêm trọng), nhân thân người phạm tội tương đối tốt đáng được chiếu cố khoan hồng.

** Phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung từ năm 1975 đến năm 1985*

Trong giai đoạn này, đáng chú ý nhất là Sắc luật số 03-SL ngày 25 tháng 3 năm 1976 quy định về tội phạm và hình phạt. Sắc luật này được xem như luật hình sự thu hẹp, quy định bảy nhóm tội khác nhau trong đó có hai nhóm tội là tội phạm về kinh tế và nhóm tội phạm xâm phạm trật tự công cộng, an toàn công cộng và sức khỏe của công dân, có quy định về hình phạt tiền áp dụng cùng hình phạt tù.

Ngoài ra, Ủy ban thường vụ Quốc hội còn ban hành pháp lệnh về việc trừng trị tội hối lộ ngày 20 tháng 5 năm 1981; pháp lệnh số PL/1982 ngày 30 tháng 6 năm 1982 trừng trị các tội đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép. Hai pháp lệnh này đã có quy định mức phạt tiền đã được nâng cao đáng kể đến 10 lần giá trị hàng phạm pháp.

1.3.2. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985 đến trước pháp điển hóa lần thứ hai - Bộ luật hình sự năm 1999

Trên cơ sở kế thừa những thành tựu đã đạt được đồng thời khắc phục những hạn chế, ngày 27 tháng 6 năm 1985 Bộ luật hình sự của Nhà nước ta ra đời đánh dấu một bước tiến quan trọng trong lịch sử lập pháp nói chung và trong pháp luật hình sự nói riêng. Trong phần chung của Bộ luật hình sự năm 1985, phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung được quy định là một hình phạt trong hệ thống hình phạt ghi nhận tại Điều 21 Bộ luật hình sự.

Bộ luật hình sự năm 1985 quy định phạm vi áp dụng hình phạt tiền chung cho cả hình phạt chính và hình phạt bổ sung. Hình phạt tiền được áp dụng trong các trường hợp tội phạm có tính chất vụ lợi; tham nhũng; và các trường hợp khác do luật định.

Qua nghiên cứu Bộ luật hình sự năm 1985 cho thấy phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung chỉ được quy định trong 58/215 điều luật về tội phạm. Mức phạt tiền khi áp dụng là hình phạt bổ sung, Bộ luật hình sự năm 1985 có một số điều luật không quy định mức phạt tiền tối thiểu mà chỉ quy định mức phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung tối đa (ví dụ Điều 218) dẫn đến việc áp dụng tùy tiện, không đảm bảo nguyên tắc công bằng.

Chương 2

PHẠT TIỀN VỚI TƯ CÁCH HÌNH PHẠT BỔ SUNG TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

2.1. Phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung trong Bộ luật hình sự Việt Nam

2.1.1. Quy định trong Phần chung Bộ luật hình sự

** Những quy định mới của phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung trong Bộ luật hình sự năm 1999 so với Bộ luật hình sự năm 1985*

Những quy định về phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung trong Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (sau đây gọi chung là

Bộ luật hình sự năm 1999) đã có những điểm mới, khắc phục được những tồn tại trong quy định phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung của Bộ luật hình sự năm 1985. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, trong Bộ luật hình sự năm 1999, đã xác định rõ được phạm vi áp dụng, cụ thể: Phạt tiền được áp dụng là hình phạt bổ sung đối với người phạm các tội về tham nhũng, ma túy, hoặc những tội phạm khác do bộ luật này quy định.

Thứ hai, số lượng các điều luật có quy định về phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung trong Bộ luật hình sự năm 1999 tăng khoảng 1,9 lần so với Bộ luật hình sự năm 1985.

Thứ ba, khi quy định về mức phạt tiền thì Bộ luật hình sự năm 1985 không quy định mức phạt tối thiểu mà chỉ quy định mức phạt tối đa là năm trăm triệu đồng trong điều luật cụ thể.

Thứ tư, về cách thức thi hành hình phạt tiền được quy định cụ thể tại khoản 4, Điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999: "*Tiền phạt có thể được nộp một lần hoặc nhiều lần trong thời hạn do tòa án quyết định trong bản án*".

** Phạm vi và điều kiện áp dụng phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung*

Khoản 2 Điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định việc áp dụng phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung trong những trường hợp sau:

Trường hợp thứ nhất: Áp dụng với người phạm các tội về tham nhũng.

Trường hợp thứ hai: Áp dụng với người phạm các tội về ma túy.

Trường hợp thứ ba: Áp dụng với những trường hợp khác do Bộ luật hình sự năm 1999 quy định.

** Mức phạt tiền và cách thức nộp tiền phạt*

Mức phạt tiền:

Mức phạt tiền áp dụng của phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 3 Điều 30: "*Mức phạt tiền được quyết định tùy theo tính chất và mức độ nghiêm trọng của tội phạm đã thực hiện, đồng thời có xét đến tình hình tài sản của người phạm tội, sự biến động của giá cả, nhưng không được thấp hơn một triệu đồng*".

Cách thức nộp tiền phạt

Khoản 4, Điều 30 Bộ luật hình sự quy định: "*Tiền phạt có thể được nộp một lần hoặc nhiều lần trong thời hạn do Tòa án quyết định trong bản án*"

** Thủ tục thi hành án phạt tiền*

Trong các hình phạt bổ sung thì hình phạt tiền và tịch thu tài sản do Cơ quan thi hành án dân sự thi hành theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự về thi hành án, Luật thi hành án dân sự và các văn bản hướng dẫn thi hành.

** Quyết định phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung trong trường hợp phạm nhiều tội*

Theo quy định tại khoản 2, Điều 50 Bộ luật hình sự thì khi xét xử cùng một lần một người phạm nhiều tội, tòa án quyết định hình phạt đối với từng tội sau đó các khoản tiền phạt được cộng lại thành hình phạt chung.

Nếu có nhiều hình phạt bổ sung là hình phạt tiền thì hình các khoản tiền phạt được cộng lại thành hình phạt chung. Còn nếu các hình phạt bổ sung là hình phạt tiền và hình phạt bổ sung khác loại thì người bị kết án phải chấp hành tất cả các hình phạt đã tuyên.

** Tổng hợp phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung của nhiều bản án*

- Trường hợp tổng hợp hình phạt của nhiều bản án theo quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự. Đây là trường hợp một người đã bị kết án và có áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền và bản án đó đã có hiệu lực pháp luật nhưng chưa chấp hành hoặc chấp hành chưa xong thì lại bị xét xử về một hoặc nhiều tội phạm khác. Do vậy, khi quyết định hình phạt về tội phạm đang bị xét xử, Tòa án phải tổng hợp với phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung của bản án trước chưa được thi hành hoặc thi hành chưa xong, sau đó buộc người bị kết án phải chấp hành hình phạt chung cho các bản án.

** Miễn phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung đã tuyên*

Theo quy định tại Điều 54 Bộ luật hình sự thì người phạm tội có thể được miễn hình phạt trong trường hợp phạm tội có nhiều tình tiết giảm

nhẹ quy định tại khoản 1, Điều 46 Bộ luật hình sự, đáng được khoan hồng đặc biệt, nhưng chưa đến mức được miễn trách nhiệm hình sự.

** Giảm mức phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung đã tuyên*

Giảm mức hình phạt đã tuyên là việc Tòa án quyết định giảm một phần hình phạt đã tuyên với người bị kết án trong quá trình chấp hành hình phạt bằng một quyết định, nếu người bị kết án có đủ điều kiện theo quy định của Bộ luật hình sự.

** Phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung không áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội.*

Khoản 5, Điều 69 Bộ luật hình sự quy định: "*...không áp dụng hình phạt tiền đối với người chưa thành niên phạm tội ở độ tuổi từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi*".

Như vậy trong mọi trường hợp đều không áp dụng phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung đối với người chưa thành niên phạm tội.

2.1.2. Quy định trong Phần các tội phạm Bộ luật hình sự

** Phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung áp dụng với người phạm các tội về tham nhũng*

Chương XXI, Mục A Bộ luật hình sự năm 1999 quy định các tội phạm về tham nhũng (từ Điều 278 đến Điều 284). Cả bảy điều luật thuộc mục này đều có quy định về phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung. Nhưng mức tiền phạt tại các điều luật là khác nhau. Có hai cách quy định về mức tiền phạt tại mục này đó là quy định mức tối thiểu và tối đa và mức phạt tiền theo giá trị của hối lộ; số tiền hoặc giá trị tài sản đã trục lợi.

** Phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung áp dụng với người phạm các tội về ma túy*

Tội phạm về ma túy là hành vi cố ý xâm phạm chế độ quản lý về ma túy được quy định trong Bộ luật hình sự. Theo quy định của pháp luật hình sự thì ma túy được hiểu là các chất gây nghiện ở dạng tự nhiên hay tổng hợp. Đặc tính nguy hiểm của chất ma túy thể hiện ở khả năng gây nghiện cho người sử dụng. Chỉ nhà nước mới có quyền quản lý các chất

ma túy. Chương XVII Bộ luật hình sự quy định các tội phạm về ma túy từ Điều 192 đến Điều 201.

** Phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung áp dụng với những trường hợp khác do Bộ luật hình sự năm 1999 quy định*

Các tội khác do Bộ luật hình sự quy định có áp dụng phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung là các tội không thuộc nhóm tội tham nhũng, ma túy gồm: 03 tội thuộc chương các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người; 02 tội thuộc chương các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân; 10 tội thuộc chương các tội xâm phạm sở hữu; 24 tội thuộc chương các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế; 10 tội thuộc chương các tội phạm về môi trường; 28 tội thuộc chương các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng; 07 tội thuộc chương các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính.

2.2. Phân biệt phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung với một số chế tài pháp lý khác

2.2.1. Phân biệt phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung và phạt tiền với tư cách hình phạt chính

Thứ nhất, phạt tiền với tư cách hình phạt chính chỉ được áp dụng đối với tội phạm ít nghiêm trọng, còn phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung được áp dụng rộng hơn đối với cả tội phạm ít nghiêm trọng, nghiêm trọng, rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng.

Thứ hai, phạt tiền với tư cách hình phạt chính được tuyên độc lập còn phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung không được tuyên độc lập mà chỉ được áp dụng kèm theo hình phạt chính không phải là hình phạt tiền đối với mỗi tội phạm cụ thể.

Thứ ba, hậu quả pháp lý của việc áp dụng phạt tiền với tư cách hình phạt chính là án tích một năm. Còn đối với việc áp dụng phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung thì không ảnh hưởng đến án tích, mà án tích sẽ phụ thuộc vào hình phạt chính được áp dụng.

Thứ tư, Phạt tiền với tư cách hình phạt chính áp dụng đối với người từ đủ mười sáu tuổi trở lên còn phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung quy định không áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội.

2.2.2. Phân biệt phạt tiền và tịch thu tài sản với tư cách hình phạt bổ sung

Thứ nhất, tịch thu tài sản chỉ áp dụng đối với người bị kết án về các tội nghiêm trọng, tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng còn phạt tiền áp dụng đối với các loại tội về tham nhũng, ma túy hoặc những tội phạm khác do Bộ luật hình sự quy định.

Thứ hai, tịch thu tài sản là "tước một phần hoặc toàn bộ tài sản" còn phạt tiền là "tước một khoản tiền nhất định" thuộc sở hữu của người bị kết án.

Thứ ba, các điều luật cụ thể có quy định về hình phạt tịch thu tài sản chỉ quy định tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản của người bị kết án. Còn đối với hình phạt tiền thì quy định mức phạt tiền tối thiểu là một triệu đồng.

2.2.3. Phân biệt phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung và phạt tiền với tư cách là biện pháp xử lý hành chính

Thứ nhất, phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung trong luật hình sự được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Bộ luật hình sự và các văn bản hướng dẫn thi hành. Còn phạt tiền với tư cách xử lý vi phạm hành chính được quy định trong Luật xử lý vi phạm hành chính

Thứ hai, phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung chỉ áp dụng với chính người phạm tội khi họ phạm một tội cụ thể có quy định áp dụng. Trong khi đó phạt tiền trong xử lý vi phạm hành chính được áp dụng với cá nhân, tổ chức có hành vi cố ý vi phạm mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự và theo quy định phải xử phạt vi phạm hành chính.

Thứ ba, chỉ có Tòa án mới có thẩm quyền áp dụng phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung đối với người bị kết án. Còn thẩm quyền áp dụng phạt tiền trong xử lý vi phạm hành chính gồm Ủy ban nhân dân các cấp, Công an nhân dân, Thanh tra vv...

2.3. Phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung trong Bộ luật hình sự một số nước trên thế giới

2.3.1. Bộ luật hình sự Liên bang Nga

Phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung theo Bộ luật hình sự Liên bang Nga và Bộ luật hình sự Việt Nam có những điểm khác nhau sau:

Thứ nhất, mức tiền phạt theo Bộ luật hình sự Liên bang Nga được quy định ở mức từ 2.500 rúp đến 1.000.000 rúp hoặc bằng lương hay thu nhập khác của người bị kết án từ hai tuần đến năm năm. Còn theo Bộ luật hình sự Việt Nam thì mức phạt tiền tối thiểu là một triệu đồng.

Thứ hai, Bộ luật hình sự của Liên bang Nga có quy định cụ thể về việc Tòa án có thể áp dụng phạt tiền ở dạng trả góp trong thời hạn đến ba năm.

Thứ ba, Bộ luật hình sự Liên bang Nga cho phép chuyển đổi sang chế tài hình sự khác. Đây là điểm mới mà pháp luật Việt Nam có thể tham khảo trong quá trình sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự sau này.

2.3.2. Bộ luật hình sự Cộng hòa nhân dân Trung Hoa

Nghiên cứu phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung trong Bộ luật hình sự Việt Nam và Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, chúng tôi thấy có những điểm khác nhau cơ bản:

Thứ nhất, hình phạt tiền trong Bộ luật hình sự Cộng hòa nhân dân Trung Hoa chỉ được quy định là hình phạt bổ sung. Còn theo quy định của bộ luật hình sự Việt Nam thì phạt tiền vừa là hình phạt chính vừa là hình phạt bổ sung.

Thứ hai, theo Bộ luật hình sự Cộng hòa nhân dân Trung Hoa thì các hình phạt bổ sung có thể được áp dụng độc lập.

Thứ ba, Điều 53 Bộ luật hình sự cộng hòa nhân dân Trung Hoa có quy định biện pháp cưỡng chế đối với người bị kết án trong trường hợp họ không nộp phạt đúng hạn.

2.3.3. Bộ luật hình sự Vương quốc Thụy Điển

Bộ luật hình sự Vương quốc Thụy Điển và Bộ luật hình sự Việt Nam có những điểm khác biệt về việc quy định phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung như sau:

Thứ nhất, theo Bộ luật hình sự Vương quốc Thụy Điển thì phạt tiền được áp dụng phổ biến nhất là phạt tiền theo ngày. Còn theo Bộ luật hình sự Việt Nam thì hình phạt tiền tính theo số tiền cụ thể từ mức tối thiểu đến tối đa hoặc theo số lần tiền thu bất chính hoặc giá trị tài sản phạm pháp.

Thứ hai, theo Bộ luật hình sự Vương quốc Thụy Điển thì hình phạt tiền được áp dụng là hình phạt chính. Hình phạt tiền và hình phạt tù thường được song song áp dụng theo quan hệ tùy nghi.

Thứ ba, Bộ luật hình sự vương quốc Thụy Điển có quy định chế tài đối với trường hợp không nộp tiền phạt.

2.3.4. Bộ luật hình sự Nhật Bản

Bộ luật hình sự Nhật Bản và Bộ luật hình sự Việt Nam có quy định về phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung với những điểm khác nhau cơ bản sau:

Thứ nhất, Bộ luật hình sự Nhật Bản quy định hai loại hình phạt tiền là phạt tiền và phạt tiền mức nhẹ với tư cách là hình phạt chính và được tuyên độc lập. Còn theo Bộ luật hình sự Việt Nam, phạt tiền được quy định vừa là hình phạt chính, vừa là hình phạt bổ sung.

Thứ hai, Điều 18 Bộ luật hình sự Nhật Bản quy định: "*Người không thể nộp đủ tiền phạt thì phải chấp hành tù lao động từ một ngày đến hai năm*". Còn Bộ luật hình sự Việt Nam thì không cho phép việc chuyển đổi từ hình phạt tiền sang loại hình phạt khác.

Thứ ba, theo bộ luật hình sự Nhật Bản thì khi tuyên án phạt tiền hoặc phạt tiền mức nhẹ phải tính thời gian tù lao động phòng khi bị cáo không thể nộp tiền phạt và phải thông báo khoảng thời gian này cho người bị kết án biết. Đây là điểm mới của Bộ luật hình sự Nhật Bản so với Bộ luật hình sự Việt Nam.

Chương 3

THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHẠT TIỀN VỚI TƯ CÁCH HÌNH PHẠT BỔ SUNG VÀ NHỮNG KIẾN NGHỊ

3.1. Thực tiễn áp dụng phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung

3.1.1 Tình hình áp dụng

Trong những năm qua, số người bị áp dụng hình phạt tiền chiếm tỉ lệ không lớn. Theo báo cáo thống kê của phòng tổng hợp Tòa án nhân dân tối cao thì tỉ lệ số bị cáo bị xử phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung so với số bị cáo bị đưa ra xét xử sơ thẩm trong 5 năm gần đây như sau: Năm

2009: 4,5%; năm 2010: 4,2%; năm 2011: 5,2%; năm 2012: 6,1%; năm 2013: 5,4, có thể biểu thị việc áp dụng phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung trên cả nước như sau:

Bảng 3.1: Bảng số liệu các bị cáo bị áp dụng phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung từ năm 2009 đến năm 2013

Năm	Tổng số vụ xét xử sơ thẩm	Tổng số bị cáo bị xét xử sơ thẩm	Tổng số bị cáo bị áp dụng hình phạt bổ sung	Tổng số bị cáo bị áp dụng hình phạt tiền	Tổng số bị cáo bị áp dụng hình phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung
2009	66919	114970	5958	7088	5183
2010	58370	101986	5059	6600	4323
2011	60925	97961	5647	8572	5072
2012	67369	117402	7630	12153	7110
2013	67153	118281	7010	12182	6440

Nguồn: Phòng tổng hợp Tòa án nhân dân tối cao.

Ngoài việc nghiên cứu so sánh giữa số bị cáo áp dụng phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung so với số bị cáo áp dụng hình phạt bổ sung và số bị cáo áp dụng hình phạt tiền. Chúng ta cần nghiên cứu tỷ trọng của các bị cáo áp dụng phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung trong các chương cụ thể.

Bảng 3.2: Bảng cơ cấu áp dụng phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung trong các chương tội phạm từ năm 2009 đến năm 2013

Năm	Bị cáo áp dụng hình phạt tiền bổ sung	Bị cáo áp dụng hình phạt tiền bổ sung chương ma túy	Bị cáo áp dụng hình phạt tiền bổ sung chương tham nhũng	Bị cáo áp dụng hình phạt tiền bổ sung chương sở hữu	Bị cáo áp dụng hình phạt tiền bổ sung chương kinh tế	Bị cáo áp dụng hình phạt tiền bổ sung chương trật tự	Bị cáo áp dụng hình phạt tiền bổ sung các chương khác
2009	5183	1274	20	224	101	3483	81
2010	4323	1172	20	129	90	2848	64
2011	5072	1236	10	151	74	3526	75
2012	7110	1424	3	206	180	5209	88
2013	6440	1498	10	187	119	4499	127

Nguồn: Phòng tổng hợp Tòa án nhân dân tối cao

Qua bảng cơ cấu bị cáo áp dụng phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung từ năm 2009 đến năm 2013, chúng ta nhận thấy phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung áp dụng chủ yếu đối với chương xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng và chương ma túy. Còn đối với chương tham nhũng thì phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung áp dụng chiếm tỷ lệ rất thấp.

3.1.2. Những nhận xét, đánh giá

Qua phân tích số liệu về việc áp dụng phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung trong cả nước có thể rút ra một số nhận xét, đánh giá sau:

Thứ nhất, số bị cáo bị áp dụng phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung qua các năm có tăng lên nhưng không đáng kể và chiếm tỉ lệ thấp trong tổng số bị cáo bị đưa ra xét xử.

Thứ hai, phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung chủ yếu được áp dụng với chương ma túy và tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng.

Thứ ba, việc áp dụng phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung chưa có văn bản hướng dẫn áp dụng và trong 111 điều luật quy định về hình phạt này đều mang tính chất tùy nghi nên dẫn đến chưa có sự thống nhất trong việc áp dụng.

3.2. Một số tồn tại, hạn chế trong lập pháp và thực tiễn áp dụng phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung và các nguyên nhân cơ bản

3.2.1. Một số tồn tại, hạn chế trong lập pháp và thực tiễn áp dụng phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung

** Tồn tại, hạn chế trong lập pháp*

Thứ nhất, phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung được quy định là chế tài lựa chọn cùng các hình phạt bổ sung khác khiến cho phạm vi áp dụng hình phạt tiền bị thu hẹp.

Thứ hai, Bộ luật hình sự hiện hành chưa có sự phân biệt rạch ròi giữa phạt tiền với tư cách là hình phạt chính và phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung về mức tiền phạt.

Thứ ba, khoảng cách giữa mức tối thiểu và mức tối đa trong một số điều luật của Bộ luật hình sự hiện hành còn chưa hợp lý.

Thứ tư, quy định mức tối thiểu là một triệu đồng và mức phạt tiền cao nhất ở mỗi điều luật cụ thể còn thấp.

Thứ sáu, cách thức thi hành hình phạt tiền cho phép nộp thành nhiều lần nhưng không quy định số lần tối đa khiến cho người bị kết án đôi khi cố tình không chịu thi hành án mặc dù có khả năng thi hành.

Thứ bảy, Bộ luật hình sự không quy định các biện pháp để chứng minh tài sản của người phạm tội.

Thứ tám, thẩm quyền đề nghị miễn thi hành khoản tiền phạt còn lại theo khoản 2, Điều 58; khoản 3, Điều 76 Bộ luật hình sự còn chưa rõ ràng.

** Tôn tại hạn chế trong thực tiễn áp dụng*

Thứ nhất, Các thẩm phán trong nhiều trường hợp do năng lực còn hạn chế.

Thứ hai, giữa các cơ quan xây dựng và áp dụng pháp luật chưa có văn bản triển khai hướng dẫn cụ thể việc áp dụng phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung.

3.2.2. Các nguyên nhân cơ bản

Thứ nhất, nguyên nhân do các quy định của luật thực định vẫn còn những nhược điểm, tồn tại, hạn chế cần khắc phục.

Thứ hai, nguyên nhân từ công tác giải thích, hướng dẫn áp dụng pháp luật; thanh tra, kiểm tra của Tòa án các cấp.

Thứ ba, thiếu hụt đội ngũ Thẩm phán xét xử, năng lực và kinh nghiệm của Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân còn chưa đáp ứng được trong công tác xét xử giai đoạn hiện nay.

3.3. Những kiến nghị

3.3.1. Hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự

Thứ nhất, bổ sung vào khoản 1, Điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999 khái niệm pháp lý về phạt tiền: "*Phạt tiền là hình phạt tước đi một khoản tiền nhất định của người bị kết án để sung công quỹ Nhà nước*".

Thứ hai, mở rộng phạm vi áp dụng phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung.

Thứ ba, xây dựng một số cấu thành tội phạm trong đó phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung là chế tài bắt buộc nhằm mở rộng phạm vi áp dụng.

Thứ tư, nâng cao mức tiền phạt phù hợp với phát triển kinh tế xã hội.

Thứ năm, thu hẹp khoảng cách giữa mức tối thiểu và mức tối đa trong một số điều luật hoặc phân hóa chúng trong các khung hình phạt khác nhau.

Thứ sáu, điều chỉnh lại mức tiền phạt trong một số điều luật phân các tội phạm cụ thể sao cho việc quy định phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung phải thể hiện được sự cá thể hóa hình phạt giữa các tội có tính chất nguy hiểm cho xã hội khác nhau.

Thứ bảy, có thể áp dụng các biện pháp cưỡng chế đối với trường hợp người bị kết án chây ì không chịu nộp tiền phạt đó là chuyển sang thành lao động công ích để quy đổi trừ tiền dần.

Thứ tám, xây dựng những quy định xác minh tài sản của người phạm tội.

Thứ chín, cần quy định rõ ràng về thẩm quyền đề nghị miễn thi hành khoản tiền phạt còn lại để tránh sự chồng chéo thẩm quyền.

Thứ mười, bên cạnh Bộ luật hình sự, các cơ quan xây dựng, áp dụng pháp luật cần có những văn bản hướng dẫn thi hành cụ thể về phạt tiền.

3.3.2. Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, cán bộ xét xử trong việc áp dụng phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung

Các cơ quan bảo vệ pháp luật, cần có những nhận thức đúng đắn và đầy đủ để việc quyết định và áp dụng phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung được thực hiện một cách nghiêm chỉnh và chính xác. Giữa các cơ quan xây dựng, áp dụng pháp luật cần có những văn bản hướng dẫn thi hành cụ thể về phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung. Đồng thời, xây dựng được đội ngũ cán bộ tư pháp chuyên sâu về nghiệp vụ, trong sạch về phẩm chất đạo đức.

3.3.3. *Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật*

Cần tiếp tục tuyên truyền, phổ biến, giáo dục rộng rãi về pháp luật nói chung, các quy định về phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung theo hướng làm thay đổi cách nghĩ, cách nhìn của nhân dân đối với pháp luật. Tăng cường hơn nữa quyền tham gia đóng góp ý kiến của nhân dân vào các dự án luật đồng thời phổ biến, giáo dục pháp luật đến toàn thể nhân dân.

3.3.4. *Tăng cường công tác tổng kết thực tiễn áp dụng phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung*

Để tăng cường hiệu quả áp dụng phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung, chúng ta cần quan tâm hơn nữa đến việc đánh giá tổng kết việc áp dụng hình phạt này nhằm rút ra những bài học cần thiết cũng như đẩy mạnh hơn nữa hiệu quả của việc áp dụng hình phạt này trong thực tiễn.

KẾT LUẬN

Tóm lại, việc nghiên cứu đề tài luận văn thạc sĩ: "***Phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung trong Luật hình sự Việt Nam***" cho phép đưa ra một số kết luận chung dưới đây.

Một là, phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung là hình phạt bổ sung quy định trong Bộ luật hình sự Việt Nam được tuyên kèm theo hình phạt chính đối với người phạm các tội về tham nhũng, ma túy hoặc những tội phạm khác do bộ luật hình sự quy định, tước đi của người bị kết án một khoản tiền nhất định sung công quỹ Nhà nước.

Hai là, phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung làm phong phú, cân đối hệ thống hình phạt, giúp cho việc thực hiện chính sách hình sự một cách năng động nhằm để hoàn thành chức năng xã hội của hình phạt, và góp phần thực hiện nguyên tắc phân hóa và cá thể hóa hình phạt.

Ba là, mặc dù các trường hợp áp dụng phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung đã được quy định một cách chính thức và cụ thể trong Bộ

luật hình sự nhưng trong thực tiễn áp dụng còn nhiều vấn đề chưa rõ ràng và chưa thống nhất.

Bốn là, trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay để thực hiện chính sách hình sự nói chung và luật hình sự nước ta nói riêng, cũng như để phù hợp với thực tiễn xét xử, dưới góc độ nhận thức - khoa học, nhà làm luật nước ta cần thay đổi về mức tối thiểu và tối đa của khung hình phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung cho phù hợp với nền kinh tế hiện nay đồng thời cũng quy định biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc đối với việc người bị kết án không thi hành hình phạt này.

Và cuối cùng, *năm là*, ở một chừng mực nhất định, luận văn đã phần nào giải quyết được một số vấn đề lý luận và thực tiễn xung quanh phạt tiền với tư cách hình phạt bổ sung, góp phần hoàn thiện pháp luật hình sự, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Tuy nhiên, việc tiếp tục nghiên cứu sâu sắc hơn về mặt lý luận của hình phạt này dưới góc độ khoa học không những là hướng nghiên cứu quan trọng, mà còn là việc làm cần thiết của khoa học luật hình sự nước ta hiện nay.